ABBANK

Số: 132/QĐ-HĐQT.21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2017;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ngày 29 tháng 4 năm 2021;*
- *Xét Tờ trình số 30/TT-VPHĐQT ngày 07 tháng 6 năm 2020 của Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP An Bình;*
- *Căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến biểu quyết của các Thành viên HĐQT theo Phiếu trình ABBANK30-2020 của Văn phòng HĐQT,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế Công bố thông tin** của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ Quyết định số 68/QĐ-HĐQT.20 ngày 27/5/2020 của Hội đồng Quản trị kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu VPHĐQT, HC.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đào Mạnh Kháng

THEO DÕI SOẠN THẢO VĂN BẢN

I. ĐƠN VỊ SOẠN THẢO

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	**Vũ Quỳnh Hương**	Trưởng phòng Marketing và Truyền thông	Khối Tổng hợp	
2.	**Trần Nam Sơn**	Phó Giám đốc	Văn phòng HĐQT	

II. ĐƠN VỊ KIỂM SOÁT

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	**Đỗ Anh Thư**	Giám đốc	Văn phòng HĐQT	
2.	**Nguyễn Thị Hương**	Phó TGĐ, kiêm Giám đốc Khối	Khối Tổng hợp	
3.	**Phạm Thị Hiền**	Phó TGĐ, kiêm Giám đốc Khối	Khối QLRR	
4.	**Đỗ Lam Điền**	Phó TGĐ, Phụ trách Khối	Khối Kế toán	
5.	**Đạt Khánh Toàn**	Trưởng Ban	Ban Pháp chế và Tuân thủ	
6.	**Bùi Thị Thanh Huyền**	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Văn phòng Tổng Giám đốc	

III. NGƯỜI KÝ BAN HÀNH VĂN BẢN

TT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Chữ ký
1.	**Đào Mạnh Kháng**	Chủ tịch	Hội đồng Quản trị	

IV. QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI

Lần	Ngày ban hành	Tóm tắt nội dung
1.	11-/6/2021	Ban hành lần thứ 03 thay thế Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐQT.20 ngày 27/5/2020.
2.	27/5/2020	Ban hành lần thứ 02 thay thế Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2013.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Điều/Tên Điều được thay đổi	Tóm tắt nội dung thay đổi (so với lần ban hành thứ 2)	Tình trạng (bổ sung/sửa đổi, hủy bỏ, thêm mới)
	Điều 4	Cập nhật các văn bản pháp luật mới được ban hành trong năm 2020	
	Điều 5	Cập nhật, sửa đổi bổ sung các nguyên tắc tại Khoản 5.1; 5.5 và 5.6	
	Điều 11	Chỉnh sửa thời hạn thực hiện công bố thông báo cáo tài chính năm (11.1) 6 tháng (11.2, quý (11.3); công bố thông tin họp ĐHCĐ thường niên (11.5)	
	Điều 12	Sắp xếp cập nhật lại nội dung công bố thông tin bất thường; công bố thông tin trong các trường hợp khác	
	Điều 17	Sửa đổi quy định về công bố thông tin của người nội bộ	

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Mục đích ban hành 4
Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng 4
Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt 4
Điều 4. Tài liệu tham chiếu 5
Điều 5. Nguyên tắc chung trong công bố thông tin 7
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin 8
Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin 8
Điều 8. Tài liệu công bố thông tin 9
Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin 9
Điều 10. Xử lý vi phạm 10
CHƯƠNG II 10
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ABBANK 10
Điều 11. Công bố thông tin định kỳ 10
Điều 12. Công bố thông tin bất thường 12
Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu 16
Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của ABBANK 16
Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị ABBANK trong việc thực hiện công bố thông tin 17
CHƯƠNG III 19
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, ... 19
NGƯỜI NỘI BỘ CỦA ABBANK VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN 19
Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết 19
Điều 17. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ 20
CHƯƠNG IV 22
PHÁT NGÔN VÀ TRUYỀN THÔNG RA CÔNG CHÚNG CỦA ABBANK 22
Điều 18. Mục đích, nội dung yêu cầu về phát ngôn và truyền thông ra công chúng 22
Điều 19. Thẩm quyền và hình thức phát ngôn và truyền thông ra công chúng 23
CHƯƠNG V 24
TỔ CHỨC THỰC HIỆN 24
Điều 20. Hiệu lực và tổ chức thực hiện 24

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 132/QĐ-HĐQT.21 ngày 11 tháng 6 năm 2021)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

1.1. Quy chế này được ban hành nhằm bảo đảm tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật; bảo đảm việc cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý, cổ đông, nhà đầu tư và công chúng được thực thi một cách minh bạch, công bằng và phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất; góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh của ABBANK trên thị trường.

1.2. Quy chế này phải được phổ biến đến các cá nhân, bộ phận liên quan và được rà soát hàng năm để kịp thời sửa đổi, bổ sung cập nhật cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế hoạt động của ABBANK[1]

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

2.1. Quy chế này quy định việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền; việc phát ngôn và truyền thông ra công chúng các thông tin liên quan đến ABBANK;

2.2. Việc báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hiện hành hoặc theo văn bản yêu cầu cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2.3. Quy định này áp dụng cho tất cả các đối tượng sau:

a) ABBANK và các đơn vị, cá nhân liên quan thuộc ABBANK;

b) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông ABBANK;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư cổ phiếu ABBANK;

d) Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ của ABBANK.

Điều 3. Định nghĩa và các từ viết tắt

3.1. ABBANK/Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình;

3.2. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông;

3.3. HĐQT: Hội đồng Quản trị;

3.4. UBCK: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

3.5. Sở GDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán;

3.6. NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

[1] Điểm e Khoản 2 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

3.7. **VSD**: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

3.8. **Website ABBANK**: Trang thông tin điện tử chính thức của ABBANK tại địa chỉ www.abbank.vn;

3.9. **IDS Plus/IDS (sau đây gọi chung là IDS)**: Hệ thống của UBCK để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử tại địa chỉ http://ids.ssc.gov.vn. Thông tin được báo cáo và công bố qua IDS gồm:

a) Thông tin công bố định kỳ, bất thường và thông tin công bố theo yêu cầu;

b) Thông tin liên quan đến chào bán phát hành chứng khoán, giao dịch cổ phiếu quỹ, chào mua công khai.

3.10. **Đơn vị công bố thông tin:** Phòng Marketing và Truyền thông - Khối Tổng hợp ABBANK;

3.11. **Đơn vị cung cấp thông tin:** Các Đơn vị thuộc ABBANK;

3.12. **Cổ đông lớn:** Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của ABBANK;

3.13. **Người nội bộ:** Là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT; Người đại diện theo pháp luật; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính, Trưởng Ban Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Kế toán; Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát; thành viên Kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin;

3.14. **Người có liên quan** của ABBANK, của cổ đông lớn, người nội bộ ABBANK được xác định theo Quy định tại Khoản 14 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Quy định của Luật Chứng khoán;

3.15. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận**: Là tổ chức kiểm toán được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo Quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;

3.16. **Truyền thông ra công chúng:** Là việc cung cấp thông tin cho báo chí (báo viết, báo nói, báo hình, báo điện tử), các trang thông tin điện tử, các diễn đàn, mạng xã hội, các kênh truyền thông đại chúng khác.

Điều 4. Tài liệu tham chiếu

4.1. Tài liệu bên ngoài

- Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 đã được sửa đổi, bổ sung ngày 20/11/2017;
- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP");

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Sau đây gọi tắt là "Thông tư 96/2020/TT-BTC");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày18/5/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/ 12/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30/8/2019 (Văn bản hợp nhất số: 27/VBHN-NHNN, ngày 16/9/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
- Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 17/2017/TT-NHNN, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN (Văn bản hợp nhất số 48/VBHN-NHNN ngày 12/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
- Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại, đã được sửa đổi, bổ theo Thông tư số 29/2015/TT-NHNN, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN, Thông tư số 14/2019/TT-NHNN (Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-NHNN ngày 16/9/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam);
- Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/3/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về Quy chế hướng dẫn công ty đại chúng sử dụng hệ thống công bố thông tin IDS của UBCK;
- Các Quy chế công bố thông tin hiện hành trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

4.2. Tài liệu nội bộ

- Điều lệ Ngân hàng TMCP An Bình ngày 29/4/2021;
- Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP An Bình ngày 20/5/2021;
- Quy định về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-HĐQT.16 ngày 11/10/2016 của Hội đồng Quản trị;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản nội bộ của Ngân hàng TMCP An Bình ban hành kèm theo Quyết định số 219/QĐ-HĐQT.20 ngày 31/12/2020 của Hội đồng Quản trị;
- Chính sách đánh giá chất lượng tài sản có và quản lý tỷ lệ an toàn vốn ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT.20 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị.

Tài liệu tham chiếu nêu trên bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế được ban hành sau đó (nếu có).

Điều 5. Nguyên tắc chung trong công bố thông tin[2]

5.1. Việc công bố thông tin phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý có thẩm quyền và quy định tại Quy chế này;

5.2. Việc công bố thông tin phải do người có thẩm quyền thực hiện. Thông tin do ABBANK công bố chỉ được thực hiện khi nội dung thông tin dự định công bố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

5.3. Nội dung thông tin công bố đảm bảo tính công khai, minh bạch và tiếp cận công bằng, thuận tiện cho Cổ đông và Công chúng. Số liệu công bố phải thống nhất với các số liệu trong Báo cáo tài chính tại cùng thời điểm;

5.4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là Tiếng Việt bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm. Khuyến khích thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác thì ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin sẽ bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ đó theo quy định của pháp luật;

5.5. Phương tiện công bố thông tin tập trung của ABBANK là Website của ABBANK. Thông tin được công bố qua trang Website ABBANK phải được lưu giữ tối thiểu 5 năm trên website này;

5.6. Đối tượng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo đầy đủ thông tin công bố theo quy định cho UBCK, NHNN, Sở GDCK, VSD;

5.7. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

5.8. Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin được công bố dưới dạng văn bản, dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm;

5.9. Việc công bố các thông tin cá nhân ra công chúng bao gồm số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, tài khoản lưu ký chứng khoán, tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân nói trên và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai ra công chúng các thông tin cá nhân thì phải gửi UBCK, Sở GDCK 02 bản tài liệu công bố thông tin: 01 bản có đầy đủ và 01 bản không có các thông tin cá nhân;

[2] Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC; Điều 295 Nghị định 155.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

5.10. Bảo đảm phòng chống các xung đột lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của ABBANK hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin[3]

6.1. Người thực hiện công bố thông tin của ABBANK:

a) ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện việc công bố thông tin và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Việc uỷ quyền được lập thành văn bản;

b) Việc báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCK, Sở GDCK phải được thực hiện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu Quy định tại Phụ lục I và Bản cung cấp thông tin theo mẫu Quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

c) Việc đăng ký, cập nhật, thay đổi thông tin của người phụ trách công bố thông tin qua hệ thống IDS và hệ thống báo cáo của Sở GDCK được thực hiện theo Quy chế sử dụng IDS của UBCK, quy định liên quan của Sở GDCK trong từng thời kỳ;

d) Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt và không thể thực hiện việc công bố thông tin thì Tổng Giám đốc thay thế thực hiện việc công bố thông tin;

e) Đơn vị công bố thông tin của ABBANK là đầu mối tập trung thực hiện việc công bố thông tin của ABBANK theo Quy định của pháp luật và Quy chế này;

f) Việc gửi báo cáo định kỳ hoặc báo cáo về sự kiện phải công bố thông tin cho NHNN, UBCK, Sở GDCK, cơ quan quản lý có thẩm quyền do Đơn vị cung cấp thông tin chịu trách nhiệm thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.2. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông ABBANK; Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư cổ phiếu ABBANK; Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của ABBANK phải tự mình công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho đơn vị, cá nhân khác công bố thông tin theo Quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và phải chịu trách nhiệm về thông tin công bố theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin[4]

7.1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a) Website ABBANK;

b) Hệ thống IDS của UBCK;

c) Hệ thống báo cáo, công bố thông tin của Sở GDCK/VSD;

[3] Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC; Quyết định 296/QĐ-UBCK
[4]Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC; điểm c Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

d) Phương tiện công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật (bao gồm phương tiện công bố thông tin của NHNN, báo in, báo điện tử).

7.2. ABBANK lập và duy trì trang thông tin điện tử bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai theo Quy định của Luật Doanh nghiệp; Luật Các Tổ chức tín dụng; Luật Chứng khoán và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ ABBANK, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo quy định pháp luật và Quy chế này;

b) Hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó;

c) Lưu giữ thông tin công bố tối thiểu 5 năm trên Website ABBANK;

d) Trường hợp thay đổi địa chỉ Website ABBANK, phải báo cáo với UBCK, Sở GDCK và công khai việc thay đổi trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

7.3. Cách thức gửi thông tin công bố:

a) Các đơn vị cung cấp thông tin thuộc ABBANK và các đối tượng khác có nghĩa vụ công bố thông tin phải gửi thông tin công bố và phối hợp theo yêu cầu của Đơn vị công bố thông tin để đăng tải trên Website ABBANK, trên các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định. Văn phòng HĐQT tiếp nhận thông tin công bố từ cổ đông, người có liên quan của cổ đông và phối hợp với Đơn vị công bố thông tin để thực hiện việc công bố;

b) Đơn vị công bố thông tin thực hiện công bố trên IDS, Hệ thống báo cáo, công bố thông tin của Sở GDCK và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thực hiện công bố thông tin vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 8. Tài liệu công bố thông tin

8.1. Đối với các tài liệu dưới dạng văn bản là bản chính, bản sao hợp lệ

a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản của tổ chức đã được người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu của tổ chức đó.

8.2. Đối với các tài liệu là dữ liệu điện tử: Được tạo lập và gửi nhận theo định dạng và hướng dẫn của đơn vị, tổ chức có liên quan.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin[5]

9.1. ABBANK và các đối tượng có liên quan được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các

[5] Điều 8 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

lý do bất khả kháng khác nhưng phải báo cáo UBCK, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin;

9.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, ABBANK và các đối tượng liên quan phải thực hiện công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ và đối tượng vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và của ABBANK.

CHƯƠNG II
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA ABBANK

Điều 11. Công bố thông tin định kỳ

11.1. Báo cáo tài chính năm (đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)[6].

a) Báo cáo tài chính gồm cả Báo cáo tài chính năm riêng lẻ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất phải có đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, ABBANK phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của ABBANK;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm.

d) Khi công bố báo cáo tài chính, ABBANK phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau[7]:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

11.2. Báo cáo tài chính bán niên (đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)[8].

a) Báo cáo tài chính bán niên gồm Báo cáo tài chính bán niên riêng lẻ và Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất phải bảo đảm là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy

[6] Điều 10.1 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[7] Điều 14.4 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[8] Điều 14.2 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của ABBANK. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của ABBANK trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng chậm nhất là ngày 14/8 hàng năm.

c) Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 11.1 Điều này.

11.3. Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)[9].

a) Báo cáo tài chính quý bao gồm Báo cáo tài chính quý riêng lẻ và Báo cáo tài chính quý hợp nhất phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ". Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của ABBANK trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý chậm nhất là ngày 20 của tháng liền kề quý báo cáo. ABBANK công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

c) Thực hiện yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 11.1 Điều này.

11.4. Báo cáo thường niên[10]

ABBANK phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng chậm nhất là ngày 20/4 năm tài chính tiếp theo;

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

11.5. Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên[11]

a) Chậm nhất 51 ngày trước ngày dự kiến khai mạc họp ĐHĐCĐ, ABBANK phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền tham dự cuộc họp. Thời gian chốt danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày sau ngày công bố thông tin chốt danh sách cổ đông nhưng không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp;

b) Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, ABBANK phải gửi thông báo triệu tập họp ĐHCĐ và công bố thông tin trên Website ABBANK và hệ thống công bố thông tin của UBCK, Sở GDCK về việc họp ĐHĐCĐ trong đó nêu rõ

[9] Điều 14.3 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[10] Điều 10.2 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[11] Điều 10.3 Thông tư 96/2020/TT-BTC; Điều 141.1 và Điều 143.1 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 271.1 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm: Thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình dự kiến cuộc họp, mẫu phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

c) Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có);

d) Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định chậm nhất 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

11.6. Báo cáo tình hình quản trị công ty[12]

Định kỳ 06 tháng và năm, ABBANK phải công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị ABBANK được lập theo mẫu Quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC; thời hạn công bố chậm nhất là ngày 30/7 (đối với báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm) và ngày 30/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo tình hình quản trị năm).

11.7. Tỷ lệ an toàn vốn[13]

Định kỳ 6 tháng một lần theo năm tài chính, ABBANK phải công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo các nội dung quy định tại Chính sách đánh giá chất lượng tài sản có và quản lý tỷ lệ an toàn vốn ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT.20 ngày 20/01/2020 của Hội đồng Quản trị. Thời hạn công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn theo thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.

11.8. Công bố thông tin định kỳ khác

ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ khác theo quy định của NHNN, Bộ Tài chính, UBCK, Sở GDCK, VSD phát sinh trong từng thời kỳ.

Điều 12. Công bố thông tin bất thường[14]

12.1. ABBANK phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của ABBANK bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi ABBANK có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

Trong thời hạn tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động kinh doanh được NHNN chấp thuận, ABBANK có trách nhiệm đăng trên các phương tiện thông tin của NHNN, Website ABBANK và tại một tờ báo viết hằng ngày trong

[12] Điều 10.4 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[13] Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN
[13] Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN
[14] Điều 11 và Điều 15 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam, trong đó phải có các thông tin về thời gian và lý do tạm ngừng hoạt động[15];

c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) và tài liệu kèm theo biên bản. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc huỷ niêm yết thì ABBANK phải công bố thông tin về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là Cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu ABBABK hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của ABBANK; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ABBANK;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc huỷ hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết; hoặc bán để giảm sở hữu tại một công ty dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết; hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của ABBANK;

j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp ABBANK phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông thì tính từ thời điểm ABBANK báo cáo UBCK về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp ABBANK mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ thì tính từ thời điểm ABBANK báo cáo kết quả giao dịch theo quy định của pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

[15] Khoản 3 Điều 10 Thông tư 50/2018/TT-NHNN

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- Trường hợp ABBANK mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo quy định về phát hành cổ phiếu cho người lao động (Chương trình ESOP) hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông thì ABBANK công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

k) ABBANK thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo Quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK). Đồng thời ABBANK gửi cho UBCK, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo mẫu Quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của ABBANK căn cứ vào báo cáo tài chính (hợp nhất) 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính (hợp nhất) 06 tháng gần nhất được soát xét;

m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với ABBANK, người nội bộ của ABBANK; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của ABBANK;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của ABBANK; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o) ABBANK nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p) Trường hợp ABBANK nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính ABBANK thì ABBANK phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của ABBANK;

r) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK nước ngoài;

s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính (hợp nhất) năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính (hợp nhất) bán niên gần nhất được soát xét;

u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

v) Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của ABBANK theo Quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp[16];

w) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

12.2. Khi công bố thông tin theo Quy định tại Khoản 12.1 Điều này, ABBANK phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

[16] Điều 296 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

12.3. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông:

a) Việc công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo Quy định tại điểm b, c, d khoản 11.5 Điều 11 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, việc công bố thông tin tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. ABBANK phải công bố trên Website ABBANK, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

12.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) ABBANK công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông dự kiến để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày chốt dự kiến, trừ trường hợp Quy định tại điểm b Khoản này;

b) ABBANK công bố thông tin về ngày chốt danh sách cổ đông dự kiến để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt dự kiến.

12.5. Công bố thay đổi liên quan đến Giấy phép thành lập và hoạt động của ABBANK

a) Trường hợp Giấy phép thành lập và hoạt động của ABBANK được sửa đổi, bổ sung nội dung: Tên; địa điểm đặt trụ sở chính; mức vốn điều lệ; địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động thì ABBANK phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin của NHNN, Website ABBANK và trên một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép của NHNN[17];

b) ABBANK thực hiện công bố nội dung thay đổi trên Website ABBANK và tại trụ sở chính, chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của NHNN khi thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi thực hiện thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp hoặc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong trường hợp tổ chức lại ABBANK[18];

c) ABBANK thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động, giải thể trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với việc chấm dứt phòng giao dịch) của ABBANK, đăng báo trung ương

[17] Điểm c Khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và Khoản 3 Điều 10 Thông tư 50/2018/TT-NHNN; điểm b Khoản 3 Điều 18b Thông tư 40/2011/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 17/2017/TT-NHNN, Thông tư 17/2018/TT-NHNN, Thông tư 28/2018/TT-NHNN, Thông tư 25/2019/TT-NHNN) – Theo Văn bản hợp nhất số 48/VBNH-NHNN ngày 12/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[18] Điều 21 Thông tư 21/2013/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung theo các Thông tư số 29/2015/TT-BTC, 17/2018/TT-BTC (Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-NHNN ngày 16/9/2019)

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

và địa phương trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước[19]

12.6. Công bố thông tin trong các trường hợp khác:

a) ABBANK công bố trên Website ABBANK và gửi Quy chế này cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế[20];

b) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, ABBANK công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới[21] .

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu[22]

13.1. Trong các trường hợp sau đây, ABBANK phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCK, Sở GDCK nơi ABBANK niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến ABBANK ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

13.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCK, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của ABBANK về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của ABBANK[23]

14.1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

- ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo Quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 19, 20 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và quy định khác của pháp luật liên quan đến chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán khi thực hiện các hoạt động này.

14.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- ABBANK phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ABBANK và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của ABBANK, Sở GDCK, VSD và hệ thống IDS theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

[19] Điều 27 Thông tư 21/2013/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung theo các Thông tư số 29/2015/TT-BTC, 17/2018/TT-BTC (Văn bản hợp nhất số 33/VBHN-NHNN ngày 16/9/2019)
[20] Khoản 3 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN
[21] Khoản 6 Điều 11, khoản 1 Điều 15 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[22] Điều 12 và 16 Thông tư 96/2020/TT-BTC
[23] Điều 13 và 17 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

14.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

- Trường hợp ABBANK mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, ABBANK phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
- Trường hợp ABBANK mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì ABBANK phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

14.4. Công khai thông tin về các lợi ích liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương

a) ABBANK phải công khai thông tin quy định tại Khoản 17.7 Điều 17 Quy chế này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK, trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của ABBANK;

b) ABBANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại điểm a và điểm b Khoản 17.7 Điều 17 Quy chế này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 17.8 Điều 17 Quy chế này[24];

c) ABBANK phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi, công khai trong toàn hệ thống ABBANK và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và những người có liên quan của những người này[25];

d) ABBANK phải công khai trong hệ thống ABBANK và báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê các khoản cấp tín dụng cho đối tượng Quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng.[26]

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị ABBANK trong việc thực hiện công bố thông tin

15.1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy trình công bố thông tin để thực hiện Quy chế này, trong đó quy định cụ thể:

- Trình tự các bước và cách thức thực hiện; yêu cầu thời hạn, biểu mẫu sử dụng; cơ chế kiểm tra giám sát tuân thủ trong thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin;
- Phân công trách nhiệm cho các đơn vị cung cấp thông tin, và các đơn vị, cá nhân liên quan khác trong việc chuẩn bị và cung cấp đầy đủ, đúng hạn, đúng yêu cầu nội dung và biểu mẫu đối với từng vấn đề phải thực hiện công bố thông tin theo Quy chế này cho Đơn vị công bố thông tin để thực hiện công bố theo quy định;

[24] Khoản 2 Điều 39 Luật Các tổ chức tín dụng
[25] Khoản 2 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN
[26] Khoản 3 Điều 127 Luật CTCTD và Khoản 3 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

- Quy trình Công bố thông tin phải được công bố trên Website ABBANK, được rà soát, cập nhật hàng năm và gửi cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế[27].

b) Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, nhân sự; bảo đảm việc phối hợp tốt giữa các Đơn vị cung cấp thông tin, các đơn vị hỗ trợ, quản lý vận hành hệ thống kỹ thuật với Đơn vị công bố thông tin; việc kiểm tra, giám sát tuân thủ trong việc thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

15.2. Đơn vị công bố thông tin:

a) Quản lý khung thời hạn công bố thông tin và bảo đảm việc công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và nội dung yêu cầu; chủ động cảnh báo, nhắc nhở các đơn vị về thời hạn thực hiện công bố thông tin;

b) Làm đầu mối tập trung của ABBANK trong việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

c) Chịu trách nhiệm quản lý tài khoản đăng nhập Website ABBANK, tài khoản IDS và các tài khoản đăng nhập vào hệ thống công bố thông tin của các cơ quan quản lý liên quan khác để thực hiện công bố thông tin;

d) Có trách nhiệm bảo mật các thông tin khi tiếp nhận;

e) Theo dõi và tổng hợp báo cáo về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Quy chế này.

15.3. Đơn vị cung cấp thông tin:

a) Soạn thảo nội dung công bố thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với Đơn vị công bố thông tin để thực hiện việc công bố thông tin theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm chủ động cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn, đúng nội dung và biểu mẫu thông tin phải công bố thuộc lĩnh vực do đơn vị phụ trách cho Đơn vị công bố thông tin để công bố theo quy định;

c) Thông báo ngay cho Đơn vị công bố thông tin biết và phối hợp khi phát sinh sự kiện phải công bố thông tin bất thường thuộc lĩnh vực do đơn vị mình phụ trách;

d) Hỗ trợ, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin của Đơn vị công bố thông tin bảo đảm thông tin được công bố đúng hạn và đúng nội dung;

e) Chịu trách nhiệm gửi các báo cáo, hồ sơ, tài liệu cho cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định;

f) Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin cung cấp;

g) Chịu trách nhiệm đề xuất trình cấp có thẩm quyền xin gia hạn hoặc hoãn công bố thông tin trong trường hợp không đáp ứng được việc gửi thông tin đúng thời hạn; liên hệ theo dõi và thúc đẩy quá trình xử lý cho đến khi có kết quả trả lời của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

15.4. Văn phòng HĐQT:

[27] Khoản 3 Điều 20 Thông tư 41/2016/TT-NHNN

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

a) Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ bảo đảm việc tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin của Thư ký công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Thực hiện nhiệm vụ giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK của Người phụ trách quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị cung cấp thông tin đối với các thông tin liên quan và các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;

d) Làm đầu mối tiếp nhận thông tin công bố của cổ đông theo quy định tại Chương III Quy chế này để chuyển cho Đơn vị công bố thông tin thực hiện công bố;

e) Định kỳ hàng năm rà soát Quy chế này để kịp thời cập nhật sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

CHƯƠNG III

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA ABBANK VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết[28]

16.1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của ABBANK (sau khi hoàn tất các thủ tục và được NHNN chấp thuận theo quy định tại Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của NHNN) phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho ABBANK, UBCK và Sở GDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

16.2. Cổ đông lớn của ABBANK khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 01% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho ABBANK, UBCK và Sở GDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu Quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% cổ phiếu ABB. Ngày T, Nhà đầu tư A mua thêm cổ phiếu ABB làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu từ 5,2% lên 5,7%. Đối với giao dịch tại ngày T này, Nhà đầu tư chưa phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin. Tiếp sau đó, vào ngày T+n, Nhà đầu tư A mua tiếp cổ phiếu ABB làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T+n đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu ABB của Nhà đầu tư A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch này, Nhà đầu tư A phải công bố thông tin và báo cáo ABBANK, UBCK và Sở GDCK về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

16.3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 16.1 và Khoản 16.2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo Quy định tại Khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

[28] Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

16.4. Quy định tại các Khoản 16.1, 16.2 và 16.3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan hoặc nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ABBANK. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại ABBANK thực hiện công bố thông tin theo mẫu Quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

16.5. Quy định tại các Khoản 16.1, 16.2, 16.3 và 16.4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do ABBANK mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc ABBANK phát hành thêm cổ phiếu.

16.6. ABBANK phải công bố trên Website của ABBANK trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 17. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ[29]

17.1. Người nội bộ của ABBANK và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi tắt là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCK, Sở GDCK và ABBANK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở GDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở GDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở GDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

[29] Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu Quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo Quy định tại Điều 16 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan quy định tại Khoản này.

17.2. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d Khoản 17.1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của ABBANK hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

17.3. Trường hợp sau khi đăng ký thực hiện giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ của ABBANK hoặc người có liên quan của các đối tượng này thì đối tượng đã đăng ký thực hiện giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 17.1 Điều này.

17.4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của ABBANK khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu ABB, công ty phải báo cáo UBCK, Sở GDCK và ABBANK trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

17.5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ ABBANK thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của ABBANK phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

17.6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo Quy định tại cá Khoản 17.1, 17.2, 17.3, 17.4 và 17.5 Điều này, ABBANK phải công bố trên Website của ABBANK.

17.7. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây[30]:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có

[30] Điều 39.1 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 164.2 Luật Doanh nghiệp; Điều 291.3 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc);

c) Các trường hợp khác theo Quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a và b Khoản này).

17.8. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 17.7 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin[31].

CHƯƠNG IV
PHÁT NGÔN VÀ TRUYỀN THÔNG RA CÔNG CHÚNG CỦA ABBANK

Điều 18. Mục đích, nội dung yêu cầu về phát ngôn và truyền thông ra công chúng

18.1. Việc phát ngôn, truyền thông ra công chúng phải nhằm mục đích quảng bá, giới thiệu về sản phẩm dịch vụ, uy tín, hình ảnh, năng lực và hoạt động của ABBANK; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của khách hàng và ABBANK; định hướng dư luận giúp công chúng có đầy đủ thông tin cần thiết, hiểu đúng đắn bản chất vấn đề; đánh giá khách quan, chân thực và thiện cảm về ABBANK; hỗ trợ ABBANK không ngừng hoàn thiện và phát triển; ngăn ngừa và xử lý các thông tin sai lệch, ảnh hưởng đến ABBANK;

18.2. Nội dung thông tin được phát ngôn, truyền thông ra công chúng thể hiện quan điểm chính thức của ABBANK đối với vấn đề đó và phải phù hợp với mục đích phát ngôn, truyền thông quy định tại Khoản 18.1 Điều này và không mâu thuẫn với nội dung thông tin được công bố theo quy định tại Chương II Quy chế này về cùng một vấn đề;

18.3. Cấm thực hiện các hành vi sau đây:

a) Phát ngôn, tiết lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, công nghệ và các thông tin bảo mật khác của ABBANK thông tin tài khoản và giao dịch của khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Phát ngôn, cung cấp thông tin sai sự thật, gây hiểu nhầm hoặc gây ảnh hưởng xấu đến ABBANK;

c) Tự ý nhân danh ABBANK để phát ngôn, cung cấp thông tin trái Quy chế này và các quy định nội bộ có liên quan khác của ABBANK.

18.4. Việc phát ngôn của cán bộ, nhân viên ABBANK với tư cách cá nhân/chuyên gia phải bảo đảm theo quy định sau đây:

a) Không được gắn thông tin xác định cán bộ nhân viên đó đang làm việc tại ABBANK;

b) Không vi phạm quy định tại Khoản 18.3 Điều này;

c) Khuyến khích thực hiện quy định tại Khoản 18.1 và Khoản 18.2 Điều này;

[31] Điều 39.2 Luật Các tổ chức tín dụng

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

d) Tự chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung phát ngôn.

Điều 19. Thẩm quyền và hình thức phát ngôn và truyền thông ra công chúng

19.1. Người có thẩm quyền phát ngôn của ABBANK bao gồm:

a) Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật;

b) Tổng Giám đốc;

c) Người được uỷ quyền công bố thông tin quy định tại Khoản 6.1 Điều 6 Quy chế này;

d) Người được Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ phát ngôn;

e) Người được Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc uỷ quyền phát ngôn trong các trường hợp cụ thể.

19.2. Người có thẩm quyền phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cấp có thẩm quyền về các thông tin do mình phát ngôn và cung cấp cho báo chí.

19.3. Trừ việc cung cấp thông tin theo đúng nội dung văn bản công bố thông tin đã thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này, việc phát ngôn, cung cấp thông tin và truyền thông ra công chúng liên quan đến các nội dung sau đây phải báo cáo Chủ tịch HĐQT trước khi thực hiện:

a) Nội dung công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định tại Chương II Quy chế này, trừ trường hợp nội dung công bố thông tin đó đã được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền thực hiện.

b) Nội dung cuộc họp, các hoạt động, quyết định, trách nhiệm, thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT, các Uỷ ban của HĐQT;

c) Cổ đông, cổ phần; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, giao dịch cổ phiếu quỹ, chào mua công khai, tăng, giảm vốn điều lệ; cổ tức;

d) Quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm và hành động của ABBANK trong các tranh chấp, sự kiện, sự cố, rủi ro;

e) Tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thuyên chuyển, kỷ luật và trách nhiệm của Người nội bộ hoặc các thông tin có liên quan đến nhân sự cấp cao của ABBANK;

f) Xử lý sự cố truyền thông;

g) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc, người phát ngôn, người được uỷ quyền công bố thông tin/phát ngôn, cung cấp thông tin hoặc Đơn vị công bố thông tin xét thấy cần báo cáo Chủ tịch HĐQT trước khi thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin.

19.4. Việc truyền thông ra công chúng phải thực hiện thông qua đầu mối tập trung duy nhất là Đơn vị công bố thông tin quy định tại Khoản 3.10 Điều 3 Quy chế này. Các đơn vị, cá nhân có nhu cầu quảng bá thông tin ra công chúng hoặc có yêu cầu phản hồi thông tin báo chí phải liên hệ và thực hiện theo hướng dẫn của Đơn vị công bố thông tin.

19.5. Đơn vị công bố thông tin chịu trách nhiệm trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí cụ thể như sau:

a) Tham mưu, tư vấn, chuẩn bị các thông cáo báo chí;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.

b) Hướng dẫn việc thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin ra bên ngoài;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan đề ra phương án dự phòng, phương án xử lý, khắc phục sự cố truyền thông khi phát sinh;

d) Chủ động thiết lập và duy trì các kênh liên hệ, tương tác với báo chí, các trang thông tin điện tử, diễn đàn mạng xã hội để thực hiện mục đích truyền thông công chúng;

e) Thường xuyên theo dõi tổng hợp tình hình dư luận, báo chí để phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất nội dung phản hồi, khắc phục tác động tiêu cực đến uy tín, hình ảnh ABBANK;

f) Phối hợp tư vấn, đề xuất, chuẩn bị nội dung yêu cầu cơ quan báo chí, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện cải chính, khắc phục hậu quả khi đăng tải thông tin chưa chính xác, sai sự thật về ABBANK.

19.6. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin, truyền thông ra công chúng được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Thông cáo báo chí;

b) Bài đăng báo, clip hình ảnh, file âm thanh;

c) Họp báo/Trả lời phỏng vấn;

d) Các hình thức phù hợp khác.

19.7. Tổng Giám đốc ban hành Quy trình phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và hướng dẫn thực hiện các quy định tại Chương này.

CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

20.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐQT.20 ngày 27/5/2020 của Hội đồng Quản trị.

20.2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có những thay đổi về pháp luật, mẫu biểu chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời dẫn đến quy định của Quy chế này mâu thuẫn/không phù hợp với quy định của pháp luật về cùng một vấn đề thì việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật.

20.3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Đào Mạnh Kháng

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của ABBANK. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của ABBANK.